

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT

Ngày 18 - 7 - 2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Anh Luyện, ông Nguyễn Mạnh Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Lê Thúy Nga - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2024/TLPT-DS ngày 27/5/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2024/QĐ-PT ngày 20/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 08/2024/QĐ-PT, ngày 04/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Vương Văn K; sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 002094010004, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Hoàng Thị T; sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 002193010724, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 10/5/2021; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Chị Hoàng Thị T (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Vương Văn K trình bày: Ngày 13/12/2021, anh Vương Văn K và chị Hoàng Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 10 năm 2023 thì giữa chị T và anh K cùng gia đình anh K đã xảy ra cãi vã mâu thuẫn, lục đục trong gia đình. Anh K cùng gia

đình đã nhiều lần hòa giải nhưng chị T không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã tự ý thu dọn đồ đạc và mang con về nhà bố mẹ đẻ; vợ chồng đã ly thân từ ngày 18/10/2023 đến nay. Anh K thấy vợ chồng không thể hòa hợp được nữa nên xin ly hôn với chị T. Vợ chồng có một con chung tên là Vương Văn K1, sinh ngày 03/01/2022; anh K có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh K làm công việc lái máy xúc thuê cho tư nhân, lương 12.000.000 đồng/tháng, công việc chủ yếu làm ở các xã B, Xuân Giang thuộc huyện Q. Anh K hiện ở chung với bố mẹ tại Thôn T, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang (*chỉ có anh K sống cùng bố mẹ, còn anh trai của anh K đã lập gia đình và làm nhà ở riêng chỗ khác*). Anh K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Vương Văn K đăng ký kết hôn ngày 13/12/2021 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023, tình cảm vợ chồng không có gì mâu thuẫn, vẫn sống hòa thuận nhưng do mẹ chồng không coi chị T ra gì; trong thời gian chồng đi lái máy xúc thuê không có nhà, mẹ chồng thường chửi chị và bảo chị không biết đường làm việc, trong khi chị vẫn phải đi cấy, đến mùa lạc thì hộ nhỏ lạc để bán, cắt cỏ trâu và làm các việc khác giúp đỡ gia đình. Do mẹ chồng và gia đình chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với chị nên chị đã đem con về ở với ông bà ngoại một thời gian. Chị cũng cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh K xin ly hôn chị cũng nhất trí. Vợ chồng có một con chung như anh K đã trình bày, hiện nay cháu K1 đang ở cùng chị và đi học tại Trường Mầm non xã X. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con với mức 1.000.000 đồng/tháng. Hiện nay chị T ở nhà làm nông nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, tính thu nhập bình quân khoảng 4-5 triệu đồng/tháng. Chị T đang ở riêng tại Thôn M, xã X, huyện Q vì chị được bố mẹ cho đất và đã làm một ngôi nhà vách bằng gỗ, lợp cọ, nền xi măng trên đất đó. Trước khi lấy anh K thì chị T đã có hai con riêng với người khác (*nhưng giữa chị T và người đó không có đăng ký kết hôn*), gồm con gái là Hoàng Bảo C, sinh năm 2015 và con trai là Hoàng Hải Đ, sinh năm 2018 (*chị T không nhớ ngày, tháng sinh cụ thể của hai người con này*). Cháu Hoàng Bảo C, sau khi sinh ra thì ở cùng với chị T, lúc đó chị đang sống cùng bố mẹ ở Thôn M, xã X, đến khi được 02 hay 03 tuổi do chị đi làm công ty ở tỉnh khác nên để cháu C ở lại cùng bố mẹ đẻ của chị. Còn cháu Hoàng Hải Đ, sau khi sinh ra thì ở cùng với chị T, đến khi được 02 hay 03 tuổi thì cho làm con nuôi chị Hoàng Thị T1 ở thôn Then, xã X, chị T1 nhận nuôi cháu Đ vì vợ chồng chị T1 không có con. Như vậy, hiện nay 02 người con riêng của chị T là cháu C và cháu Đ đều không sống cùng chị T. Chị T vẫn thường xuyên thăm 02 con và có cho quà, tiền nhưng không nhiều và không có mức cố định hàng tháng. Về tài sản chung chị T nhất trí với ý kiến của anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 6, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Vương Văn K và chị Hoàng Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con trai chung tên là Vương Văn K1, sinh ngày 03/01/2022 (hiện đang ở cùng chị Hoàng Thị T) cho anh Vương Văn K trực tiếp nuôi; chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 17/5/2024, bị đơn là chị Hoàng Thị T có đơn kháng cáo không nhất trí một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cháu Vương Văn K1 cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu K1 hiện nay chưa tròn 3 tuổi, cháu cần sự chăm sóc của mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T có ý kiến về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K1 vì hiện nay cháu K1 còn quá nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Cháu vẫn đang ở với mẹ và được chăm sóc tốt, cháu đi học mẫu giáo ở gần nhà nên chị T là người chăm sóc, đưa đón cháu đi học, chị ở nhà làm ruộng và chăn nuôi nên có nhiều thời gian dành cho con hơn. Anh K làm nghề lái máy xúc nên ai gọi đi làm ở đâu thì đi đấy nên không thể chăm sóc con tốt hơn chị được. Về thu nhập của chị hiện nay chị ở nhà làm ruộng và chăn nuôi, mức thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đến 7 triệu đồng/tháng nên chị vẫn đảm bảo được cuộc sống của hai mẹ con và cho cháu K1 đi học. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho cháu K1 chị yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi.

Anh K vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu kháng cáo của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, anh K cố tình vắng mặt không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q về phần nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Vương Văn K1, sinh ngày 03/01/2022 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Buộc anh Vương Văn K phải cấp dưỡng nuôi cháu K1 hàng tháng với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu K1 đủ 18

tuổi. Chị T không phải chịu án phí phúc thẩm; anh Kiên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Hoàng Thị T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của anh K: Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên toà cho anh K, tuy nhiên ngày 04/7/2024 anh K vắng mặt không có lý do nên Toà án đã Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Hoàng Thị T, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con chung dưới 36 tháng tuổi cho người bố là anh Vương Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc với lý do chị T chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người mẹ với 02 người con riêng đồng thời xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, tạo điều kiện cho chị T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình với 02 người con riêng.

[4] Chị T không nhất trí và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng hai người con riêng của chị là cháu Hoàng Bảo Chi và Hoàng Hải Đăng hiện nay đã cho đi làm con nuôi người khác, đảm bảo cuộc sống của các cháu khi ở với bố mẹ nuôi, hiện nay chị không phải cấp dưỡng cho cháu Chi và cháu Đăng.

[5] Xét về điều kiện nuôi con chung của anh K và chị T thấy rằng anh chị còn trẻ đang trong độ tuổi lao động, bản thân anh K xác nhận hiện nay anh làm nghề lái máy xúc thuê, thu nhập bình quân hàng tháng là 12.000.000đ (BL105); chị T ở nhà chăn nuôi, làm ruộng thu nhập khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng (BL106). Cả anh K và chị T đều có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi con chung. Tuy nhiên cháu K1 hiện nay còn quá nhỏ, cháu sinh ngày 03/01/2022 chưa tròn 36 tháng tuổi, hiện tại cháu vẫn đang ở cùng với chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và đưa đón cháu đi học, chị T làm ruộng và chăn nuôi tại nhà. Bản thân anh Kiên làm nghề lái máy xúc thường xuyên phải đi làm việc không cố định ở một chỗ nên về mặt thời gian dành cho việc chăm sóc con nhỏ là không đảm bảo.

[6] Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Mặt khác căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND

tối cao v/v "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình". Theo hướng dẫn tại "Điều 6. Giải quyết việc nuôi con khi ly hôn quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình", tại khoản 3 quy định: "Người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con" quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình là trường hợp người mẹ thuộc một trong các trường hợp sau đây: "a) Mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bị bệnh nặng khác mà không thể tự chăm sóc bản thân....."

[7] Như vậy, đối chiếu với các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 6 của Nghị quyết nói trên thì chị T không thuộc trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[8] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giao cháu Vương Văn K1, sinh ngày 03/01/2022 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K1 trưởng thành.

[9] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T có ý kiến yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/tháng. Xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T với mức cấp dưỡng như vậy là phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho cháu bé, do đó HĐXX chấp nhận. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

[10] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị T không phải án phí phúc thẩm. Được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh K phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[12] Những nội dung khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị T. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”; khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình*”. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Vương Văn K và chị Hoàng Thị T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Vương Văn K1, sinh ngày 03/01/2022 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Vương Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi. Theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng, chị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Vương Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Vương Văn K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002271 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q; anh Vương Văn K còn phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí phúc thẩm: Chị Hoàng Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002319 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

5. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện Q;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Mỹ Lệ